

HẦU TRỜI

(TẢN ĐÀ)

I – BÀI TẬP

1. Nêu đại ý của đoạn được in chữ to (từ câu 25 đến câu 98).
2. Tìm hiểu bí quyết hấp dẫn người đọc của Tản Đà khi kể lại câu chuyện mình được lên "hầu Trời".
3. Câu hỏi 2, sách giáo khoa, trang 12.
4. Phân tích ý thức cá nhân, ý thức dân tộc của Tản Đà thể hiện qua việc nhà thơ khai danh tính, gốc gác của mình cho Trời nghe (từ câu 65 đến câu 68).
5. Lối kể chuyện có tính chất "bình dân" cùng giọng khôi hài đã được nhà thơ sử dụng như thế nào và đạt hiệu quả ra sao trong bài *Hầu Trời* ?
6. Tác giả đã chịu ảnh hưởng của văn học dân gian như thế nào khi miêu tả Trời và chư tiên theo cách mà ta nhận thấy trong bài thơ ?
7. Làm rõ đặc trưng cái "ngông" của Tản Đà được thể hiện trong bài thơ. Chứng minh cái "ngông" ấy là một nhân tố cần thiết của hoạt động sáng tạo nghệ thuật, đặc biệt là với trường hợp Tản Đà.
8. Nêu một cách khái quát những dấu hiệu mới về hình thức của thơ trữ tình Việt Nam trong những năm hai mươi của thế kỉ XX được biểu lộ qua bài *Hầu Trời*.

II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Đại ý của đoạn được in chữ to : Kể lại cuộc đọc thơ đây "đắc ý" của nhân vật trữ tình cho Trời và chư tiên nghe giữa chốn "thiên môn đế khuyết" cùng nội dung lời anh ta trần tình về tình cảnh khốn khó của kẻ theo đuổi nghề văn và thực hành "thiên lương" ở hạ giới.

2. Chuyện "hầu Trời" hiển nhiên là chuyện hư cấu nhưng được tác giả kể như thật, rất sinh động : vào chuyện đột ngột mà tự nhiên ; chi tiết, tình tiết được xếp đặt hợp lí ; bối cảnh được vẽ ra một cách cụ thể ; các đoạn đối thoại và miêu tả những phản ứng tâm lí đa dạng của từng loại nhân vật được cài vào nhau thật linh hoạt... Đặc biệt, giọng kể đây hào hứng, thiết lập được quan hệ giao tiếp thân mật với người đọc, khiến người đọc có cảm tưởng mình đang được tham gia thực sự vào câu chuyện và cùng nhân vật trữ tình nếm trải những phút cao hứng tột bậc, "đắc ý", "sướng lạ lùng",...

3. Chuyện "hầu Trời" bằng tưởng tượng đã cho nhà thơ một cơ hội tuyệt vời để "quảng cáo" tài năng văn chương trác tuyệt của mình : nhìn bao quát thì thấy văn "dài", "giàu", "lắm lối" ; đi vào cụ thể thì thấy "nhời văn chuốt đẹp", "khí văn hùng mạnh", "êm", "tinh",... Dường như theo tác giả, chỉ có Trời và chư tiên mới đánh giá được đúng giá trị văn Tản Đà mà thôi ! Trong bài thơ, Tản Đà còn cho biết : văn chương lúc này là một nghề kiếm sống mới, có người bán, kẻ mua, có thị trường tiêu thụ và bản thân thị trường cũng hết sức phức tạp, không dễ chiều (bản thân nhà thơ phải sống cảnh khốn khó vì "Văn chương hạ giới rẻ như bèo", "Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu",...). Tản Đà cũng không quên nói về cái mộng cải cách xã hội của mình gắn liền với việc thực hiện thuyết "thiên lương" – một công việc nặng nhọc không dễ được mấy người cảm thông, san sẻ.

4. Ý thức cá nhân, ý thức dân tộc của nhà thơ thể hiện rõ ở lời "tâu trình" cho Trời nghe về danh tính, gốc gác bản thân. Một cái tên mà được nói ra trịnh trọng đến vậy hẳn nhà thơ phải thấy có một giá trị không thể phủ nhận gắn liền với nó. Hơn nữa, ông còn muốn Trời thấy được Nguyễn Khắc Hiếu chính là con người của Á châu, của xứ sở có một nền "văn minh tinh thần" cao quý, đáng tự hào. Cụ thể thêm một mức nữa, ông kiêu hãnh khai mình là đứa con *đích thực* của "Sông Đà núi Tản nước Nam Việt". Đặt trong bối cảnh đất nước đã mất chủ quyền, ta dễ nhận ra ở cách "khoe" ấy một "tình cảm non nước" đáng quý.

5. Trong bài thơ, tác giả đã sử dụng rất đắt lối kể chuyện "bình dân" và giọng khôi hài : giọng kể hào hứng, quan hệ thân mật, suồng sã giữa nhân vật trữ tình với chư tiên được tô đậm (chư tiên gọi nhân vật trữ tình là *anh*), những từ nôm na, bình dị được đặt một cách tự nhiên trong các câu thơ mang ngữ điệu nói, nét ngộ nghĩnh trong lời lẽ cùng điệu bộ của Trời và chư tiên được chú ý khắc hoạ,... Lối kể và giọng điệu nói trên quả đã tạo nên vẻ đẹp dân dã, tự nhiên, sống động, tươi tắn, trẻ trung của tác phẩm.

6. Cổ tích, ca dao thường nhìn nhận, miêu tả Trời và tiên như những nhân vật cụ thể, sống động, hành xử không khác bao nhiêu con người bình thường nơi hạ giới. Có thể thấy rõ điều này qua các tác phẩm như *Cóc kiện trời*, *Ngôi buôn đốt một đống rơm*, *Bắc thang lên tận cổng trời*,... Trong bài thơ của mình, Tản Đà đã để cho Trời và tiên làm những việc, nói những câu rất đời, rất ngộ. Hiển nhiên, riêng ở mặt này, ông không chịu ảnh hưởng của thơ bác học thời trung đại mà tiếp thu cái nhìn của các tác giả dân gian. Nói đúng hơn, Tản Đà đã thực sự "bình dân hoá" những chất liệu đặc thù của thi ca cổ điển.

7. Cái "ngông" thể hiện trong bài thơ là cái "ngông" gắn liền với ý thức cá nhân khá đậm của Tản Đà : ông tự cho văn mình hay đến mức Trời cũng phải tán thưởng ; ông thấy không có ai đáng là kẻ tri âm của mình ngoài Trời và chư tiên ; ông nhận mình là người được Trời sai xuống hạ giới thực hiện sứ mệnh cải cách xã hội rất cao cả,... Rõ ràng, Tản Đà đã tỏ thái độ khiêu khích đối với cái nhìn tôn ti, đẳng cấp đang thống trị xã hội lúc ấy. Tản Đà quả đã rũ bỏ được khá nhiều gánh nặng trách nhiệm mà thông thường các nhà nho vẫn đặt trên vai mình để sống thoải mái hơn với cái tự do cá nhân mới mẻ mà thời đại đưa tới. Một khi ông đã xem văn chương là một nghề, sự tự do cá nhân ấy trở thành một nhân tố tích cực, thúc đẩy ông đi vào con đường đổi mới thơ, nhằm đưa đến cho nền thơ Việt Nam lúc đó những ý vị thẩm mỹ khác lạ.

8. Những dấu hiệu mới về hình thức của thơ trữ tình Việt Nam được thể hiện qua *Hầu Trời* : bài thơ được chia thành nhiều khổ, những hình tượng quen thuộc của văn học cổ điển đã được "bình dân hoá", ngữ điệu thơ mang dáng dấp của ngữ điệu nói, tính truyện trong thơ được gia tăng,...